

DEVELOPING RESPONSIBLE GENERATIVE AI COMPETENCY FOR LEARNERS AT THANH DO UNIVERSITY

Nguyen Van Dien¹ Nguyen Thuy Trang²

Vu Hoang Thanh Tung³ Nguyen Thi Thu Trang⁴

^{1, 2, 3, 4}Thanh Do University

Email: nvdien@thanhdowni.edu.vn¹; thuytrang@thanhdowni.edu.vn²; tungvht99@gmail.com³; ntttrang@thanhdowni.edu.vn⁴

Received: 21/7/2026; Reviewed: 28/7/2026; Revised: 11/8/2026; Accepted: 21/9/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i3.407>

Abstract: *This study examines the current use of generative artificial intelligence (GenAI), the extent of formal institutional guidance, and manifestations of responsible AI competency among learners at Thanh Do University, and proposes a competency-development framework embedded in a lifelong-learning ecosystem. UNESCO's AI competency framework serves as a reference for organising the analysis and designing solutions rather than as a standardised scale for scoring or classifying learners. A mixed-method case study with a quantitative emphasis was conducted on 635 valid survey responses from current students and graduates. The findings show that GenAI use has become a routine practice closely associated with learners' perception of its career relevance, whereas the share of respondents receiving relatively comprehensive guidance remains low, producing a gap of approximately 45% points between usage and institutional support. Notably, current forms of guidance are not associated with broader recognition of responsible-use competencies, and higher usage intensity does not translate into more comprehensive competency manifestations; graduates continue to use GenAI intensively while remaining largely outside formal guidance mechanisms. The paper therefore proposes a four-layer competency-development model comprising a university-level competency standard, AI literacy training, a responsible-use policy, discipline-specific integration, post-graduation learning pathways, scholarships, and university-learner-industry collaboration.*

Keywords: *Generative AI; Lifelong learning; UNESCO framework; Responsible AI competency; Thanh Do University.*

1. Đặt vấn đề

AI tạo sinh (Generative Artificial Intelligence - GenAI) đang chuyển từ một công cụ thử nghiệm thành một hạ tầng hỗ trợ phổ biến cho học tập, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp. Các mô hình ngôn ngữ lớn cho phép người học tra cứu, giải thích kiến thức, xây dựng ý tưởng, xử lý dữ liệu, viết mã và tạo nội dung gần như tức thời. Tuy nhiên, khả năng tạo sinh thuyết phục không đồng nghĩa với độ chính xác, tính công bằng hay trách nhiệm. Nguy cơ thông tin sai, thiên lệch, xâm phạm dữ liệu, phụ thuộc công nghệ và vi phạm chính trực học thuật đặt ra yêu cầu chuyển từ tư duy “biết sử dụng công cụ” sang phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm (UNESCO, 2022; Miao & Holmes, 2023).

Nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước đã

mô tả cơ hội, thách thức và mức độ phổ biến của ChatGPT cùng các công cụ GenAI trong giáo dục đại học (Kasneji và cộng sự, 2023; Tlili và cộng sự, 2023; Cotton và cộng sự, 2024; Em và cộng sự, 2024; Cúc, 2025). Tuy vậy, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào sinh viên trong một học phần hoặc một giai đoạn đào tạo; rất ít nghiên cứu đối chiếu đồng thời mức độ sử dụng với mức độ hỗ trợ thể chế tại một cơ sở cụ thể và hầu như chưa xem xét người đã tốt nghiệp như một bộ phận của cộng đồng người học cần tiếp tục được phát triển năng lực.

Trường Đại học Thành Đô định hướng đồng hành với người học trong và sau quá trình đào tạo, duy trì mạng lưới cựu người học, liên kết với doanh nghiệp và phát triển cơ hội học tập tiếp nối. Trong bối cảnh đó, “người học” được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm sinh viên đang

học và người đã tốt nghiệp nhưng vẫn có thể quay lại học tập, nâng cao trình độ hoặc hợp tác phát triển nghề nghiệp trong hệ sinh thái của nhà trường, cách tiếp cận phù hợp với quan niệm học tập suốt đời, theo đó tốt nghiệp một văn bằng là mốc chuyển tiếp chứ không phải điểm kết thúc.

Nghiên cứu này trả lời ba câu hỏi: (1) Người học sử dụng GenAI với tần suất, mục đích nào và nhận thức ra sao về vai trò nghề nghiệp của AI? (2) Mức độ hướng dẫn chính thức hiện nay như thế nào và có đi kèm các biểu hiện năng lực sử dụng AI có trách nhiệm hay không? (3) Cơ chế thể chế nào giúp phát triển năng lực GenAI có trách nhiệm trong hệ sinh thái học tập suốt đời? Đóng góp của bài viết nằm ở việc kết nối bằng chứng khảo sát quy mô toàn trường với một mô hình quản trị đa chủ thể, thay vì chỉ mô tả việc sử dụng AI trong lớp học.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. GenAI trong giáo dục đại học và yêu cầu sử dụng có trách nhiệm

Kasneci và cộng sự (2023) tổng kết cơ hội của các mô hình ngôn ngữ lớn trong cá nhân hóa hỗ trợ học tập và nâng cao năng suất, đồng thời nhấn mạnh rằng lợi ích chỉ bền vững khi người học và giảng viên được trang bị AI literacy (năng lực hiểu và sử dụng AI) một cách có cấu trúc. Hạn chế của công trình là tính chất bình luận tổng quan, chưa cung cấp bằng chứng thực nghiệm tại một cơ sở đào tạo cụ thể. Tlili và cộng sự (2023) qua nghiên cứu trường hợp ba giai đoạn về việc dùng chatbot trong giáo dục, cảnh báo về chất lượng phản hồi, tính đáng tin và các tình huống đạo đức phát sinh trong tương tác thực tế, song dữ liệu gắn với nhóm người dùng sớm, nên khả năng khái quát còn hạn chế. Cotton và cộng sự (2024) phân tích rủi ro gian lận học thuật và đề xuất kết hợp chính sách, phòng ngừa và đổi mới đánh giá, nhưng chưa gắn các đề xuất với việc đo lường năng lực của người học. Ở cấp độ quản trị, Dwivedi và cộng sự (2023) tập hợp quan điểm đa ngành (phù hợp với mô hình đào tạo tại Đại học Thành Đô) và chỉ ra rằng ứng phó với GenAI đòi hỏi phối hợp nhiều chủ thể thay vì các biện pháp đơn lẻ, song các khuyến nghị chủ yếu ở tầm vĩ mô, chưa được kiểm chứng ở cấp cơ sở.

Điểm hội tụ của các nghiên cứu trên là năng lực AI không thể thu hẹp thành kỹ năng viết câu

lệnh (prompt). Trong nghiên cứu này, việc sử dụng GenAI có trách nhiệm được vận hành hóa qua bốn nhóm hành vi: duy trì quyền quyết định cuối cùng của con người; kiểm chứng thông tin; bảo đảm chính trực học thuật và kỹ năng sử dụng công cụ phù hợp với mục đích học tập, nghề nghiệp. Cách hiểu này chuyển trọng tâm từ quản lý “được dùng hay không được dùng” sang phát triển khả năng ra quyết định có căn cứ.

2.2. Nghiên cứu tại Việt Nam

Tại Việt Nam, Em và cộng sự (2024) khảo sát 584 sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và ghi nhận ChatGPT đã trở thành công cụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu phổ biến, song việc sử dụng đòi hỏi sự cân nhắc, tinh thần trách nhiệm và chuẩn bị kỹ năng thực hành cần thiết. Cúc (2025) khảo sát 906 sinh viên Trường Đại học Tân Trào cho thấy sinh viên dùng ChatGPT thường xuyên để tra cứu, làm bài tập và luyện ngôn ngữ, nhưng gặp khó khăn trong việc xây dựng câu lệnh hiệu quả, đánh giá độ tin cậy của thông tin và thiếu hướng dẫn sư phạm. Nhìn chung, các nghiên cứu trong nước chủ yếu mô tả hành vi sử dụng của sinh viên đang học; chưa có nghiên cứu nào đối chiếu một cách hệ thống giữa mức độ sử dụng và mức độ hỗ trợ thể chế trong cùng một cơ sở, cũng như chưa tiếp cận người học sau tốt nghiệp.

2.3. Khung năng lực AI của UNESCO - cơ sở tham chiếu

UNESCO nhấn mạnh cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm, đạo đức AI, kiến thức và kỹ năng kỹ thuật, khả năng ứng dụng và sáng tạo; khung năng lực AI dành cho người học tổ chức nội dung theo các phương diện năng lực và tiến trình phát triển từ hiểu, vận dụng đến sáng tạo (Miao & cộng sự, 2024a). Trong nghiên cứu này, khung UNESCO được sử dụng làm cơ sở tham chiếu để tổ chức phân tích, diễn giải kết quả và xây dựng giải pháp; không được sử dụng như một thang đo chuẩn hóa để tính điểm hoặc xếp loại năng lực người học. Sự phân biệt này có ý nghĩa phương pháp luận: bảng hỏi hiện tại không bao phủ đầy đủ các thành phần, cấp độ và nhiệm vụ thực hành của khung UNESCO, nên kết quả chỉ cho phép mô tả “biểu hiện năng lực có liên quan đến định hướng UNESCO”, mức độ đa dạng của các biểu hiện và khoảng trống hướng dẫn (bảng 1).

Bảng 1. Ma trận đối sánh nội dung khảo sát với định hướng UNESCO

Nội dung khảo sát	Phương diện phân tích	Liên hệ định hướng UNESCO
Con người chịu trách nhiệm cuối cùng	Quyền tự chủ và trách nhiệm	Tư duy lấy con người làm trung tâm
Kiểm chứng thông tin do AI cung cấp	Tư duy phản biện, độ tin cậy	Đánh giá và sử dụng AI có trách nhiệm
Nhận biết ranh giới hỗ trợ và gian lận	Minh bạch, chính trực học thuật	Đạo đức AI
Sử dụng công cụ, xây dựng prompt	Khả năng vận dụng công nghệ	Kỹ thuật và ứng dụng AI

Nguồn: Tổng hợp từ Miao & cộng sự (2024a)

2.4. Hệ sinh thái học tập suốt đời và khoảng trống nghiên cứu

Học tập suốt đời bao gồm các cơ hội học tập chính quy, không chính quy và tại nơi làm việc trong nhiều giai đoạn của cuộc đời; vai trò của trường đại học không kết thúc ở việc cấp văn bằng đầu tiên mà mở rộng sang đào tạo lại, nâng cao kỹ năng, học chuyển đổi, đào tạo sau đại học và kết nối nghề nghiệp. Hệ sinh thái này bao gồm nhà trường, người học đang học, người đã tốt nghiệp, giảng viên, doanh nghiệp, quỹ học bổng và các đối tác nghiên cứu. Năng lực GenAI vì thế cần được phát triển theo chu trình liên tục: học tập, ứng dụng nghề nghiệp, nhận diện nhu cầu mới, quay lại học tập và ứng dụng ở trình độ cao hơn.

Từ tổng quan trên, có thể xác định ba khoảng trống: (i) Thiếu bằng chứng định lượng cấp cơ sở đối chiếu trực tiếp giữa mức độ sử dụng GenAI và mức độ hỗ trợ thể chế; (ii) Thiếu phân tích các biểu hiện năng lực sử dụng AI có trách nhiệm theo định hướng UNESCO ở quy mô toàn trường và (iii) Thiếu sự tích hợp người đã tốt nghiệp vào mô hình phát triển năng lực của cơ sở đào tạo. Nội dung nghiên cứu của nhóm mong muốn góp phần bổ trợ cho ba khoảng trống trong phân tích trên, tại trường hợp Trường Đại học Thành Đô.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế trường hợp theo phương pháp hỗn hợp, trong đó dữ liệu định lượng giữ vai trò chủ đạo và dữ liệu câu hỏi mở được sử dụng để bổ trợ diễn giải. Đối tượng nghiên cứu là nhu cầu và cơ chế phát triển năng lực sử dụng GenAI có trách nhiệm; khách thể khảo sát là cộng đồng người học của Trường Đại học Thành Đô, gồm sinh viên đang học và người đã tốt nghiệp.

3.2. Mẫu khảo sát và thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập bằng biểu mẫu trực tuyến (Google Forms) trong tháng 7 năm 2026, phát qua kênh lớp học, khoa chuyên môn và mạng lưới cựu người học theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phiếu chỉ được ghi nhận khi người trả lời xác nhận đồng thuận tham gia; khảo sát không thu thập thông tin định danh. Sau khi kiểm tra tính đồng thuận và tính đầy đủ của các biến chính, toàn bộ 635 phiếu thu về đều hợp lệ, gồm 586 sinh viên đang học (92,3%) và 49 người đã tốt nghiệp (7,7%). Cơ cấu mẫu được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Cơ cấu mẫu khảo sát

Nhóm người trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Năm 1	256	40,3
Năm 2	237	37,3
Năm 3	66	10,4
Năm 4	27	4,3
Đã tốt nghiệp	49	7,7
Tổng cộng	635	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026).

3.3. Công cụ khảo sát

Phiếu khảo sát gồm ba phần: (i) xác nhận đồng thuận và thông tin nền; (ii) bốn câu hỏi đóng về mức độ liên quan của AI đối với nghề nghiệp dự định, tần suất sử dụng, mục đích sử dụng (được chọn nhiều phương án) và mức độ được hướng dẫn chính thức; (iii) một bảng bốn hàng tự đánh giá biểu hiện năng lực, mỗi hàng người trả lời chọn một trong bốn phát biểu tương ứng với bốn nhóm nội dung đã đối sánh với định hướng UNESCO (bảng 1) và một câu hỏi mở về nhu cầu hỗ trợ. Do người trả lời có thể lặp lại cùng một phát biểu ở nhiều hàng, nghiên cứu đếm số nhóm nội dung khác nhau mà mỗi người

lựa chọn (1-4) và gọi đây là “mức độ đa dạng biểu hiện năng lực”; chỉ số này không phải điểm năng lực AI, mà chỉ mang tính mô tả nhận diện xu hướng lựa chọn, không phải thang đo đã được kiểm định.

3.4. Xử lý và phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng tần số và tỷ lệ phần trăm (%); mối liên hệ giữa các biến phân loại được kiểm tra bằng bảng chéo với kiểm định Chi bình phương (Chi-square test) ở mức ý nghĩa 0,05 và hệ số Cramér V để đo độ mạnh liên hệ; các mức trả lời thừa được gộp nhóm khi tần suất kỳ vọng nhỏ. Câu trả lời mở được làm sạch (loại bỏ 137 câu trả lời không có nội dung như “không”, “chưa có ý kiến”), sau đó được mã hóa theo bộ từ khóa được rà soát thủ công thành sáu chủ đề; một câu trả lời có thể thuộc nhiều chủ đề. Phân tích được thực hiện bằng Python (pandas, SciPy).

3.5. Giới hạn khái quát hóa

Nhóm đã tốt nghiệp chỉ chiếm 7,7% mẫu và bảng hỏi chưa xác định họ đang học tiếp, làm việc hay tham gia chương trình cụ thể nào. Vì vậy, các kết luận về văn bằng thứ hai, khóa ngắn hạn, đào tạo sau đại học, học bổng và hợp tác doanh nghiệp được trình bày như cấu phần của mô hình đề xuất dựa trên định hướng chiến lược của nhà trường, chưa phải là kết quả được xác nhận trực tiếp cho từng loại chương trình.

Bên cạnh đó, do sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện qua kênh trực tuyến, mẫu khảo sát có khả năng thiên về những người học đã quan tâm hoặc đang sử dụng AI, vì nhóm này có xu hướng phản hồi khảo sát cao hơn. Do đó, các tỷ lệ sử dụng GenAI và khoảng trống hướng dẫn trình bày ở mục 4 nên được hiểu là ước lượng cận trên, có thể cao hơn mức thực tế của toàn thể người học Trường Đại học Thành Đô, chứ không phải ước lượng đại diện theo xác suất cho toàn bộ tổng thể.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mức độ và phạm vi sử dụng GenAI trong học tập và chuẩn bị nghề nghiệp

Bảng 3 cho thấy 434 người trả lời (68,3%) sử dụng công cụ AI hằng ngày hoặc hằng tuần; nếu tính từ mức hằng tháng trở lên, tỷ lệ đạt 96,5% và chỉ 0,5% chưa từng sử dụng. Với mức phổ cập này, nhu cầu quản trị AI không còn có thể chỉ dựa trên các hướng dẫn tự phát ở từng học

phần. Tuy nhiên, do đặc điểm chọn mẫu thuận tiện qua kênh trực tuyến, tỷ lệ này có thể cao hơn mức phổ biến thực tế trong toàn thể người học, vì nhóm đã quan tâm hoặc đang sử dụng AI có xu hướng phản hồi khảo sát nhiều hơn.

Bảng 3. Tần suất sử dụng công cụ AI phục vụ học tập

Tần suất sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hằng ngày	149	23,5
Hằng tuần	285	44,9
Hằng tháng	179	28,2
Hiếm khi	19	3,0
Chưa từng	3	0,5
Tổng cộng	635	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026).

Về mục đích, việc sử dụng trải rộng từ hoạt động học thuật đến chuẩn bị nghề nghiệp (bảng 4): tra cứu và giải thích kiến thức môn học phổ biến nhất (74,6%), tiếp đến là hỗ trợ làm bài tập, tiểu luận, thuyết trình (59,8%); đáng chú ý, 22,5% đã dùng AI cho định hướng nghề nghiệp và viết CV, đây là dấu hiệu cho thấy AI đồng hành với người học vượt ra ngoài phạm vi lớp học.

Bảng 4. Mục đích sử dụng AI của người học

Mục đích sử dụng	Số lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Tra cứu, giải thích kiến thức môn học	474	74,6
Hỗ trợ làm bài tập, tiểu luận, thuyết trình	380	59,8
Chuyên dùng cho học tập	253	39,8
Học ngoại ngữ, luyện kỹ năng	209	32,9
Lập trình, xử lý dữ liệu	156	24,6
Định hướng nghề nghiệp, viết CV	143	22,5
Chưa từng dùng cho học tập	19	3,0

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026).

* Ghi chú: Câu hỏi cho phép chọn nhiều phương án, nên tổng tỷ lệ lớn hơn 100%.

4.2. Cường độ sử dụng GenAI theo mức độ liên quan nghề nghiệp

Có 70,2% người trả lời đánh giá AI “liên quan nhiều” hoặc là “kỹ năng cốt lõi của nghề trong tương lai”; 94,0% đánh giá AI ít nhất có mức liên quan vừa. Quan trọng hơn, nhận thức này gắn chặt với hành vi: tỷ lệ sử dụng hằng ngày hoặc hằng tuần tăng bậc thang theo mức liên quan nghề nghiệp được cảm nhận, từ 13,2% ở nhóm cho rằng AI ít hoặc không liên quan lên 82,5% ở nhóm coi AI là kỹ năng cốt lõi (bảng 5, hình 1); mỗi liên hệ có ý nghĩa thống kê và ở mức trung bình khá ($\chi^2(3) = 127,79$; $p < 0,001$; Cramér $V = 0,449$). Kết quả này cho thấy việc sử dụng GenAI không phải trào lưu nhất thời mà là sự đầu tư có chủ đích cho khả năng thích ứng nghề nghiệp.

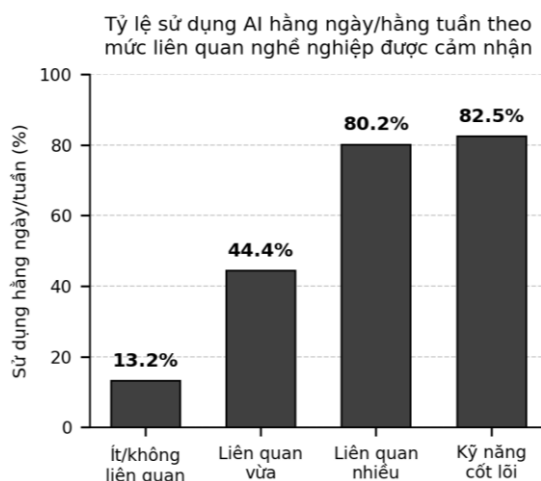
Bảng 5. Tỷ lệ sử dụng AI hằng ngày/hàng tuần theo mức liên quan nghề nghiệp được cảm nhận

Mức liên quan nghề nghiệp	n	Sử dụng hằng ngày/tuần (%)
Là kỹ năng cốt lõi của nghề	189	82,5
Liên quan nhiều	257	80,2
Liên quan vừa	151	44,4
Ít hoặc không liên quan	38	13,2

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026)

* Ghi chú: $\chi^2(3) = 127,79$; $p < 0,001$; Cramér $V = 0,449$.

Hình 1. Tỷ lệ sử dụng AI hằng ngày/hàng tuần theo mức liên quan nghề nghiệp được cảm nhận



Nguồn: Tính toán và trực quan hóa của nhóm tác giả từ số liệu bảng 5 (tháng 7/2026)

* Ghi chú: Ít/không liên quan $n=38$; Liên quan vừa $n=151$; Liên quan nhiều $n=257$; Kỹ năng cốt lõi $n=189$.

4.3. Khoảng trống giữa thực hành sử dụng GenAI và hỗ trợ thể chế theo nhóm người học

Chỉ 150 người trả lời (23,6%) cho biết đã được hướng dẫn tương đối đầy đủ về sử dụng AI trong học tập; 40,6% mới được giới thiệu ban đầu và 35,7% chưa từng được hướng dẫn (bảng 6, hình 2). Đối chiếu với 68,3% sử dụng hằng ngày hoặc hằng tuần, xuất hiện khoảng chênh lệch 44,7% độ lệch, được hiểu là khoảng trống giữa thực hành sử dụng và hỗ trợ thể chế, không phải khoảng cách năng lực theo nghĩa tâm trắc học. Cũng cần lưu ý khoảng trống này được ước tính trên mẫu thuận tiện, nên độ lớn thực tế trên toàn thể người học có thể khác với con số 44,7% nêu trên, dù xu hướng này là có cơ sở.

Khoảng trống này phân bố không đều giữa các nhóm ($\chi^2(8) = 40,27$; $p < 0,001$; Cramér $V = 0,178$). Sinh viên năm thứ nhất là nhóm đông nhất, chiếm 40,3% mẫu, nhóm có tỷ lệ được hướng dẫn đầy đủ thấp nhất (18,0%) và tỷ lệ chưa từng được hướng dẫn cao nhất trong các khóa đang học (46,1%). Nhóm đã tốt nghiệp phân cực: 32,7% từng được hướng dẫn đầy đủ nhưng 44,9% chưa từng được hướng dẫn, phản ánh thực tế nhóm này phần lớn nằm ngoài các kênh hỗ trợ hiện hành.

Bảng 6. Mức độ được hướng dẫn chính thức về sử dụng AI theo nhóm người học

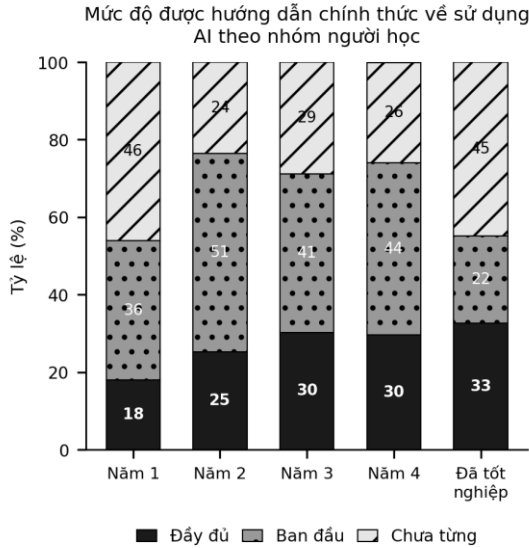
Nhóm	Đầy đủ % (n)	Ban đầu % (n)	Chưa từng % (n)
Toàn mẫu	23,6 (150)	40,6 (258)	35,7 (227)
Năm 1	18,0 (46)	35,9 (92)	46,1 (118)
Năm 2	25,3 (60)	51,1 (121)	23,6 (56)
Năm 3	30,3 (20)	40,9 (27)	28,8 (19)
Năm 4	29,6 (8)	44,4 (12)	25,9 (7)
Đã tốt nghiệp	32,7 (16)	22,4 (11)	44,9 (22)

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026)

* Ghi chú: “Đầy đủ” = được hướng dẫn

tương đối đầy đủ; “Ban đầu” = chỉ được giới thiệu ở đầu môn học/khóa học; $\chi^2(8) = 40,27$; $p < 0,001$; Cramér $V = 0,178$. Số liệu Năm 4 cần diễn giải thận trọng do cỡ nhóm nhỏ ($n = 27$).

Hình 2. Mức độ được hướng dẫn chính thức về sử dụng AI theo nhóm người học



Nguồn: Tính toán và trực quan hóa của nhóm tác giả từ số liệu bảng 6 (tháng 7 năm 2026).

4.4. Các biểu hiện năng lực sử dụng GenAI có trách nhiệm của người học

Cần nhắc lại rằng “mức độ đa dạng biểu hiện năng lực” chỉ mang tính mô tả nhận diện, không phải điểm số đo lường năng lực thực chất (xem mục 3.3); các tỷ lệ trình bày dưới đây do đó cần được diễn giải theo hướng nhận diện xu hướng, không phải xếp loại năng lực người học. Xét từng nhóm biểu hiện (bảng 7), nhận thức về vai trò quyết định và trách nhiệm cuối cùng của con người phổ biến nhất (62,2%), tiếp đến là kỹ năng sử dụng công cụ và prompt (57,2%). Hai biểu hiện mang tính phân tư, là kiểm chứng thông tin (50,4%) và nhận diện ranh giới chính trực học thuật (49,9%) đang thấp nhất, chỉ được khoảng một nửa số người trả lời lựa chọn.

Bảng 7. Tỷ lệ lựa chọn từng nhóm biểu hiện năng lực và mức độ đa dạng

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Con người quyết định, chịu trách nhiệm cuối cùng	395	62,2
Kỹ năng sử dụng công cụ và prompt	363	57,2

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiểm chứng thông tin do AI cung cấp	320	50,4
Nhận diện ranh giới chính trực học thuật	317	49,9
Chọn 1 nhóm nội dung	269	42,4
Chọn 2 nhóm nội dung	127	20,0
Chọn 3 nhóm nội dung	84	13,2
Chọn đủ 4 nhóm nội dung	155	24,4

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026)

* Ghi chú: Bốn dòng đầu tính người lựa chọn nhóm nội dung đó ít nhất một lần, nên tổng lớn hơn 100%; bốn dòng sau là phân bố mức độ đa dạng (tổng 100%).

Chỉ 24,4% người trả lời lựa chọn đủ cả bốn nhóm biểu hiện, trong khi 42,4% chỉ thể hiện một nhóm nội dung. Kết quả không chứng minh người học “thiếu năng lực” theo một chuẩn định lượng, nhưng cho thấy việc nhận diện các phương diện của sử dụng AI có trách nhiệm chưa đồng đều: phương diện kỹ thuật được chú ý nhiều hơn các phương diện kiểm chứng và đạo đức.

4.5. Mối liên hệ giữa mức độ hướng dẫn, cường độ sử dụng và biểu hiện năng lực GenAI

Hai phát hiện “âm tính” có ý nghĩa thiết kế chính sách quan trọng. Thứ nhất, tỷ lệ lựa chọn đủ bốn nhóm biểu hiện gần như không khác biệt giữa ba mức hướng dẫn: 24,7% ở nhóm được hướng dẫn tương đối đầy đủ, 25,2% ở nhóm mới được giới thiệu ban đầu và 23,3% ở nhóm chưa từng được hướng dẫn ($\chi^2(2) = 0,23$; $p = 0,891$). Nói cách khác, hình thức hướng dẫn hiện hành đang chủ yếu là giới thiệu ở đầu môn học, điều này chưa tạo ra khác biệt nhận diện năng lực có thể đo lường được. Thứ hai, cường độ sử dụng cao không đồng nghĩa với biểu hiện toàn diện: nhóm sử dụng hằng ngày có tỷ lệ đủ bốn nhóm thấp nhất (16,8%), so với 29,5% ở nhóm hằng tuần và 22,9% ở nhóm hằng tháng trở xuống ($\chi^2(2) = 8,92$; $p = 0,012$; Cramér $V = 0,118$).

4.6. Khoảng cách giữa cường độ sử dụng GenAI và khả năng tiếp cận hướng dẫn ở người đã tốt nghiệp

Nhóm đã tốt nghiệp duy trì cường độ sử dụng

cao nhất: 75,5% dùng AI hằng ngày hoặc hằng tuần (so với 67,7% ở nhóm đang học; khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê, $p = 0,336$). Tuy nhiên, như đã nêu ở Bảng 6, gần một nửa nhóm này (44,9%) chưa từng được hướng dẫn chính thức và tỷ lệ thể hiện đủ bốn nhóm năng lực chỉ đạt 14,3% tỉ lệ này thấp hơn nhóm đang học (25,3%), dù khác biệt chưa đạt ý nghĩa thống kê do cỡ nhóm nhỏ ($p = 0,123$). Bức tranh này cung cấp bằng chứng ban đầu cho luận điểm trung tâm của bài viết: nhu cầu phát triển năng lực GenAI không dừng lại ở thời điểm tốt nghiệp, trong khi các cơ chế hỗ trợ hiện hành hầu như chỉ phủ tới người học đang trong chương trình.

4.7. Nhu cầu hỗ trợ GenAI và hướng dẫn sử dụng có trách nhiệm

Có 498/635 người trả lời (78,4%) nêu ý kiến có nội dung ở câu hỏi mở. Nhu cầu nổi bật nhất là được đào tạo, tập huấn kỹ năng sử dụng AI và kỹ thuật prompt - xuất hiện trong gần một nửa số ý kiến (bảng 8); một người trả lời đề nghị Nhà trường “tổ chức các khóa tập huấn, cung cấp công cụ AI uy tín và hướng dẫn kiểm chứng thông tin”. Nhóm ý kiến về quy định, đạo đức và chính trực học thuật (10,0%) đề nghị “ban hành quy định sử dụng AI rõ ràng” và hướng dẫn sử dụng “hợp lý, tránh lạm dụng”. Các chủ đề còn lại gồm tích hợp AI vào môn học và ngành đào tạo, gắn kết nghề nghiệp và thực hành, kiểm chứng thông tin và cung cấp công cụ, tài khoản truy cập.

Bảng 8. Phân bố các chủ đề trong ý kiến về nhu cầu hỗ trợ GenAI

Chủ đề	Số lượt	% ý kiến có nội dung
Đào tạo, tập huấn kỹ năng sử dụng AI và kỹ thuật prompt	243	48,8
Quy định, đạo đức và chính trực học thuật	50	10,0
Tích hợp AI vào môn học và ngành đào tạo	37	7,4
Gắn kết nghề nghiệp và thực hành thực tế	28	5,6
Kiểm chứng thông tin và độ tin cậy	27	5,4

Chủ đề	Số lượt	% ý kiến có nội dung
Cung cấp công cụ, tài khoản và hạ tầng truy cập	16	3,2

Nguồn: Kết quả khảo sát và phân tích của nhóm tác giả (tháng 7 năm 2026)

Ghi chú: Tính trên 498 ý kiến có nội dung; một ý kiến có thể thuộc nhiều chủ đề; 202 ý kiến nêu mong muốn chung, không thuộc sáu chủ đề trên.

5. Bàn luận

5.1. Khoảng trống thể chế trong phát triển năng lực GenAI và yêu cầu hỗ trợ cho sinh viên năm thứ nhất

Phát hiện nổi bật nhất là AI được sử dụng rộng rãi và có chủ đích nghề nghiệp, trong khi mức hướng dẫn đầy đủ còn thấp, tạo khoảng trống xấp xỉ 45% giữa một số nhóm quan trọng. Kết quả này phù hợp với nhận định của Miao & Holmes (2023) rằng cơ sở giáo dục thường phản ứng chậm hơn tốc độ phổ biến của GenAI và tương đồng với các quan sát trong nước: sinh viên Tân Trào “thiếu hướng dẫn sư phạm” khi dùng ChatGPT (Cúc, 2025), còn nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị kỹ năng và tinh thần trách nhiệm (Em và cộng sự, 2024). Đóng góp riêng của nghiên cứu này là định lượng hóa khoảng trống đó tại một cơ sở cụ thể và chỉ ra nơi khoảng trống nặng nhất: sinh viên năm thứ nhất đây là nhóm đồng nhất, mới hình thành thói quen học tập và dễ định hình thói quen sử dụng AI sai lệch nếu không được can thiệp sớm.

5.2. Từ hướng dẫn ban đầu đến đào tạo GenAI có cấu trúc

Việc mức hướng dẫn không đi kèm khác biệt về đa dạng biểu hiện năng lực ($p = 0,891$) gợi ý rằng vấn đề có thể không chỉ nằm ở “có hay không có hoạt động hướng dẫn”, mà còn ở liều lượng và cấu trúc của hoạt động đó. Một cách diễn giải hợp lý, mặc dù các đặc điểm sư phạm này (thực hành, phản hồi, gắn kết đánh giá) không được đo trực tiếp trong khảo sát, nhưng là hình thức giới thiệu ngắn ở đầu môn học, nếu thiếu thực hành, phản hồi và đánh giá đi kèm, khó có thể chuyển hóa thành thay đổi hành vi sử dụng; đây là một giả thuyết diễn giải cần được

kiểm chứng trực tiếp trong nghiên cứu tiếp theo, không phải một phát hiện đã được đo lường trong nghiên cứu này. Tương tự, việc nhóm sử dụng hằng ngày có tỷ lệ biểu hiện toàn diện thấp nhất (16,8%) gợi ý rằng kinh nghiệm tự phát có xu hướng củng cố kỹ năng công cụ nhưng bỏ qua các phương diện phân tư thể hiện sự nhất quán với thực tế hai biểu hiện thấp nhất trong mẫu là kiểm chứng thông tin và chính trực học thuật. Điều này phù hợp với lập luận của Kasneci và cộng sự (2023) rằng AI literacy phải được thiết kế có cấu trúc thay vì phó mặc cho tự học và với cảnh báo của Cotton và cộng sự (2024) rằng ứng phó với rủi ro chính trực học thuật đòi hỏi kết hợp chính sách và đổi mới đánh giá chứ không chỉ tuyên truyền. Ở cấp hệ thống, bức tranh đa chủ thể của Dwivedi và cộng sự (2023) củng cố định hướng giải pháp phối hợp trình bày ở mục 6.

5.3. Tích hợp người đã tốt nghiệp vào hệ sinh thái phát triển năng lực GenAI suốt đời

Khác với phần lớn nghiên cứu trước chỉ khảo sát sinh viên đang học, dữ liệu của nghiên cứu này ghi nhận trực tiếp nhóm đã tốt nghiệp: họ tiếp tục dùng AI với cường độ cao nhất nhưng phần lớn nằm ngoài cơ chế hướng dẫn. Trong bối cảnh công nghệ AI thay đổi nhanh, một văn bằng không bảo đảm năng lực nghề nghiệp cho toàn bộ vòng đời lao động; người học có thể quay lại trường qua văn bằng thứ hai, khóa ngắn hạn, học chuyển đổi, đào tạo sau đại học hoặc hợp tác nghiên cứu, với quỹ học bổng của nhà trường và doanh nghiệp là cơ chế bảo đảm cơ hội tiếp cận. Tuy nhiên, do nhóm tốt nghiệp trong mẫu còn nhỏ (7,7%), chưa xác định tình trạng học tập và việc làm cụ thể, mô hình học tập suốt đời được đề xuất như một định hướng quản trị cần kiểm chứng tiếp, không phải kết luận đã được xác nhận cho từng lộ trình.

5.4. Đóng góp thực nghiệm và quản trị

Nghiên cứu có bốn đóng góp. Thứ nhất, cung cấp bằng chứng định lượng cấp cơ sở đối chiếu trực tiếp mức sử dụng với mức hỗ trợ thể chế đây là điều các nghiên cứu mô tả hành vi trước đây chưa làm. Thứ hai, hai phát hiện “âm tính” (hướng dẫn hiện hành và cường độ sử dụng đều không bảo đảm năng lực toàn diện) giúp chuyển trọng tâm chính sách từ “tổ chức thêm hoạt động giới thiệu” sang “thiết kế chương trình có cấu

trúc, có thực hành và đánh giá”. Thứ ba, việc đưa người đã tốt nghiệp vào khách thể khảo sát mở rộng đơn vị phân tích từ sinh viên sang cộng đồng người học. Thứ tư, mô hình bốn lớp đề xuất ở mục 6 có thể chuyển giao cho các cơ sở đào tạo quy mô tương đương.

5.5. Giới hạn bằng chứng và hướng kiểm định mô hình phát triển năng lực GenAI

Nghiên cứu có các hạn chế sau: chọn mẫu thuận tiện nên mẫu không bảo đảm tính đại diện thống kê cho toàn bộ người học; dữ liệu tự khai báo (self-report) có thể chịu thiên lệch mong muốn xã hội; mỗi câu phần năng lực chỉ được đo bằng một chỉ báo lựa chọn, chưa phải thang đo đa mục được kiểm định độ tin cậy và độ giá trị; thiết kế cắt ngang không cho phép suy diễn nhân quả và nhóm tốt nghiệp còn nhỏ. Nghiên cứu tiếp theo cần xây dựng bộ chỉ báo nhiều mục và nhiệm vụ thực hành theo khung UNESCO, khảo sát lặp lại theo thời gian, mở rộng mẫu cụ người học và doanh nghiệp, đồng thời đánh giá tác động của các chương trình thí điểm.

5.6. Hàm ý quản trị: phát triển năng lực trong hệ sinh thái học tập suốt đời

- Mô hình bốn lớp

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu đề xuất Mô hình phát triển năng lực GenAI có trách nhiệm trong hệ sinh thái học tập suốt đời gồm bốn lớp (bảng 9), vận hành theo chu trình: đánh giá nhu cầu, tiến hành đào tạo, đưa vào ứng dụng, đánh giá kết quả đào tạo, phân tích phản hồi nghề nghiệp, cải tiến cập nhật chương trình.

Bảng 9. Cấu trúc mô hình phát triển năng lực GenAI có trách nhiệm

Lớp mô hình	Nội dung trọng tâm
Nền tảng giá trị	Lấy con người làm trung tâm; đạo đức và trách nhiệm với đầu ra
Năng lực cốt lõi	Hiểu AI; sử dụng công cụ; kiểm chứng; chính trực học thuật; sáng tạo
Không gian phát triển	Học phần; nghiên cứu; thực tập; dự án doanh nghiệp; lộ trình sau tốt nghiệp
Chủ thể hỗ trợ	Nhà trường; giảng viên; người học; cựu người học; doanh nghiệp; quỹ học bổng

Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả.

- Chuẩn năng lực cấp trường và chương trình AI literacy

Nhà trường cần ban hành chuẩn năng lực AI cấp trường theo ba mức hiểu, vận dụng và sáng tạo, cụ thể hóa theo từng ngành và triển khai module AI literacy bắt buộc hoặc tương đương cho mọi người học. Hai kết quả thực nghiệm định hướng trực tiếp thiết kế này: (i) vì hình thức giới thiệu đầu môn học không tạo khác biệt năng lực (mục 4.5), Module phải có thực hành, bài tập kiểm chứng thông tin và đánh giá đầu ra thay vì chỉ phổ biến quy định; (ii) vì hai biểu hiện thấp nhất là kiểm chứng và chính trực học thuật (mục 4.4), nội dung phần tư này cần chiếm trọng số lớn hơn kỹ năng công cụ. Module nên bắt đầu ngay từ năm thứ nhất là nhóm có khoảng trống hướng dẫn lớn nhất (mục 4.3) và đồng thời bồi dưỡng giảng viên theo định hướng khung năng lực AI dành cho giáo viên của Miao & Cukurova (2024b).

- Chính sách sử dụng AI và đổi mới đánh giá

Đáp ứng nhóm nhu cầu về quy định rõ ràng (10,0% ý kiến, mục 4.7), chính sách cấp trường cần quy định nhiệm vụ nào được phép sử dụng AI, mức độ được phép, yêu cầu khai báo, dữ liệu không được tải lên và trách nhiệm kiểm chứng; thay vì cấm chung, có thể áp dụng ma trận mức sử dụng AI theo học phần và loại nhiệm vụ. Đánh giá cần chuyển sang sản phẩm có minh chứng quá trình, vấn đáp xác thực, nhật ký prompt và giải trình quyết định của người học theo hướng đi nhất quán với khuyến nghị kết hợp chính sách và đổi mới đánh giá của Cotton và cộng sự (2024).

- Lộ trình sau tốt nghiệp, học bổng và hợp tác đa chủ thể

Như đã lưu ý ở mục 5.3, do nhóm đã tốt nghiệp trong mẫu khảo sát còn nhỏ ($n = 49$) và bảng hỏi chưa xác định rõ tình trạng học tập, việc làm hiện tại của họ, các đề xuất dưới đây mang tính định hướng quản trị, cần được kiểm chứng và điều chỉnh qua triển khai thí điểm trước khi áp dụng chính thức và mở rộng quy mô. Bảng chứng ở mục 4.6 cho thấy người đã tốt nghiệp cần được đưa vào phạm vi phục vụ chính thức. Hệ sinh thái sau tốt nghiệp nên gồm: cập nhật ngắn hạn (workshop, micro-course, chứng chỉ); chuyển đổi (khóa học chuyển đổi, liên

thông, văn bằng mới); học thuật nâng cao (thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ) và phát triển nghề nghiệp (mentoring, dự án doanh nghiệp, mạng lưới cựu người học), với cơ chế công nhận kết quả học tập và hồ sơ năng lực số. Quỹ học bổng của nhà trường và doanh nghiệp đồng tài trợ giữ vai trò bảo đảm cơ hội tiếp cận; nhà trường xây chuẩn và bảo đảm chất lượng, người học chịu trách nhiệm với sản phẩm, doanh nghiệp bảo đảm gắn kết với yêu cầu nghề nghiệp.

- Lộ trình triển khai

Việc triển khai nên theo bốn giai đoạn kế tiếp: (1) chuẩn hóa người dùng, ban hành nguyên tắc sử dụng AI và chuẩn năng lực cấp trường; (2) tích hợp ứng dụng và triển khai AI literacy đại trà, ưu tiên năm thứ nhất, đặc biệt là tích hợp theo ngành; (3) mở rộng đối tượng và vận hành các lộ trình sau tốt nghiệp, học bổng và hợp tác doanh nghiệp; (4) cải tiến thực hành và thu thập phản hồi, khảo sát lặp lại để đo thu hẹp khoảng trống và cập nhật chương trình đào tạo theo tiến hóa công nghệ và ứng dụng.

6. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu đặt mục tiêu mô tả hiện trạng sử dụng GenAI, mức hỗ trợ thể chế và biểu hiện năng lực có trách nhiệm của cộng đồng người học Trường Đại học Thành Đô, làm cơ sở đề xuất khung phát triển năng lực trong hệ sinh thái học tập suốt đời. Kết quả từ 635 phiếu khảo sát cho thấy: GenAI đã trở thành thực hành phổ biến, gắn chặt với nhận thức nghề nghiệp của người học; tồn tại khoảng trống xấp xỉ 45% giữa mức sử dụng thường xuyên và mức được hướng dẫn đầy đủ, nặng nhất ở sinh viên năm thứ nhất; hình thức hướng dẫn hiện hành và cường độ sử dụng cao đều không bảo đảm biểu hiện năng lực toàn diện và người đã tốt nghiệp tiếp tục sử dụng AI với cường độ cao nhưng nằm ngoài cơ chế hỗ trợ.

Đóng góp chính của bài viết là bằng chứng định lượng cấp cơ sở về khoảng trống thể chế, hai phát hiện “âm tính” có giá trị thiết kế chính sách và mô hình bốn lớp tích hợp người đã tốt nghiệp vào đối tượng phục vụ. Nhà trường nên ưu tiên ba hành động: ban hành nguyên tắc sử dụng AI thống nhất kèm ma trận mức sử dụng theo học phần; triển khai Module AI literacy có thực hành và đánh giá, bắt đầu từ năm thứ nhất, với trọng số lớn cho kiểm chứng thông tin, chính

trực học thuật, thiết lập cơ chế phát triển năng lực liên tục cho cả sinh viên đang học lẫn người đã tốt nghiệp thông qua lộ trình học tập tiếp nối, học bổng và hợp tác doanh nghiệp. Nghiên cứu tiếp theo cần phát triển thang đo đa mục theo khung UNESCO, mở rộng mẫu cựu người học và doanh nghiệp và đánh giá theo thời gian hiệu quả của các chương trình thí điểm.

Cần nhấn mạnh rằng các kết quả trên phản ánh đặc điểm của mẫu khảo sát thu thập theo

phương pháp chọn mẫu thuận tiện, chưa mang tính đại diện thống kê cho toàn thể người học của Trường Đại học Thành Đô. Do đó, các khuyến nghị về Module AI literacy, chính sách sử dụng AI và lộ trình học tập sau tốt nghiệp mang tính định hướng quản trị, cần được kiểm chứng thêm thông qua các nghiên cứu thí điểm trước khi triển khai nhân rộng ở quy mô toàn trường.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Nhóm tác giả có sử dụng công cụ AI hỗ trợ trong phân tích thống kê mô tả, rà soát cấu trúc và biên tập ngôn ngữ bản thảo, trực quan hóa số liệu bằng biểu đồ và hiệu chỉnh một số đoạn văn bản trong quá trình phản hồi ý kiến phản biện. Toàn bộ định hướng nội dung, số liệu khảo sát, diễn giải kết quả và kết luận do các tác giả quyết định và chịu trách nhiệm cuối cùng.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Nhóm tác giả tuyên bố rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến việc thực hiện, nghiên cứu và công bố bài báo này.

Tài liệu tham khảo

- Cotton, D. R. E., Cotton, P. A., & Shipway, J. R. (2024). Chatting and cheating: Ensuring academic integrity in the era of ChatGPT. *Innovations in Education and Teaching International*, 61(2), 228–239. <https://doi.org/10.1080/14703297.2023.2190148>.
- Cuc, D. T. (2025). Su dung ChatGPT trong ho tro hoc tap cua sinh vien: Nghien cuu tai Truong Dai hoc Tan Trao. *Tap chi Giao duc*, 25(15), 53–58.
- Dwivedi, Y. K., Kshetri, N., Hughes, L., Slade, E. L., Jeyaraj, A., Kar, A. K., Baabdullah, A. M., Koochang, A., Raghavan, V., Ahuja, M., Albanna, H., Albashrawi, M. A., Al-Busaidi, A. S., Balakrishnan, J., Barlette, Y., Basu, S., Bose, I., Brooks, L., Buhalis, D., ... Wright, R. (2023). Opinion Paper: “So what if ChatGPT wrote it?” Multidisciplinary perspectives on opportunities, challenges and implications of generative conversational AI for research, practice and policy. *International Journal of Information Management*, 71, Article 102642. <https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2023.102642>.
- Em, D. V., Phuong, N. D. L., & Hao, N. T. (2024). Thuc trang ung dung ChatGPT trong viec hoc tap, nghien cuu cua sinh vien Dai hoc Quoc gia Thanh pho Ho Chi Minh. *Tap chi Giao duc*, 24(1), 36–41.
- Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günnemann, S., Hüllermeier, E., Krusche, S., Kutyniok, G., Michaeli, T., Nerdel, C., Pfeffer, J., Poquet, O., Sailer, M., Schmidt, A., Seidel, T., ... Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences*, 103, Article 102274. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>.
- Miao, F., & Cukurova, M. (2024b). *AI competency framework for teachers*. UNESCO. Truy cap ngay 02 thang 7 nam 2026 tu <https://doi.org/10.54675/ZJTE2084>.
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. Truy cap ngay 01 thang 7 nam 2026 tu <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>.
- Miao, F., Shiohira, K., & Lao, N. (2024a). *AI competency framework for students*. UNESCO. Truy cap ngay 02 thang 7 nam 2026 tu <https://doi.org/10.54675/JKJB9835>.
- Tlili, A., Shehata, B., Adarkwah, M. A., Bozkurt, A., Hickey, D. T., Huang, R., & Agyemang, B. (2023). What if the devil is

my guardian angel: ChatGPT as a case study of using chatbots in education. *Smart Learning Environments*, 10, Article 15. <https://doi.org/10.1186/s40561-023-00237-x>. UNESCO. (2022). *Recommendation on the*

ethics of artificial intelligence. UNESCO. Truy cập ngày 01 tháng 7 năm 2026 từ <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381137>.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GENAI CÓ TRÁCH NHIỆM CHO NGƯỜI HỌC, TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔ

Nguyễn Văn Diễn¹ Nguyễn Thùy Trang²
Vũ Hoàng Thanh Tùng³ Nguyễn Thị Thu Trang⁴

^{1, 2, 3, 4}Trường Đại học Thành Đô

Email: nvdiem@thanhdouni.edu.vn¹; thuytrang@thanhdouni.edu.vn²; tungvht99@gmail.com³; ntttrang@thanhdouni.edu.vn⁴

Ngày nhận bài: 21/7/2026; Ngày phản biện: 28/7/2026; Ngày tác giả sửa: 11/8/2026;

Ngày duyệt đăng: 21/9/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i3.407>

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích hiện trạng sử dụng AI tạo sinh (GenAI), mức độ hướng dẫn chính thức và các biểu hiện năng lực sử dụng AI có trách nhiệm của cộng đồng người học tại Trường Đại học Thành Đô, từ đó đề xuất khung phát triển năng lực gắn với hệ sinh thái học tập suốt đời. Khung năng lực AI của UNESCO được sử dụng làm cơ sở tham chiếu để tổ chức phân tích và thiết kế giải pháp, không được dùng như một thang đo chuẩn hóa để chấm điểm hay xếp loại người học. Nghiên cứu trường hợp theo phương pháp hỗn hợp, với định lượng giữ vai trò chủ đạo, được thực hiện trên 635 phiếu khảo sát hợp lệ gồm sinh viên đang học và người đã tốt nghiệp. Kết quả cho thấy việc sử dụng GenAI đã trở thành thói quen phổ biến và gắn chặt với nhận thức của người học về vai trò nghề nghiệp của AI, trong khi tỷ lệ được hướng dẫn tương đối đầy đủ còn thấp, tạo ra khoảng trống tỉ lệ xấp xỉ 45% giữa thực hành sử dụng và hỗ trợ thể chế. Đáng chú ý, hình thức hướng dẫn hiện hành không đi kèm mức độ nhận diện năng lực đa dạng hơn và cường độ sử dụng cao không đồng nghĩa với biểu hiện năng lực toàn diện; người đã tốt nghiệp vẫn sử dụng GenAI thường xuyên nhưng phần lớn nằm ngoài các cơ chế hỗ trợ chính thức. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình phát triển năng lực bốn lớp gồm chuẩn năng lực cấp trường, chương trình AI literacy, chính sách sử dụng có trách nhiệm, tích hợp theo ngành, lộ trình học tập sau tốt nghiệp, học bổng và hợp tác nhà trường - người học - doanh nghiệp.

Từ khóa: AI tạo sinh; Học tập suốt đời; Khung năng lực UNESCO; Năng lực AI có trách nhiệm; Trường Đại học Thành Đô.